

Một quan điểm về sự đau khổ

Lê Anh Huy



1- Dẫn nhập:

Lễ Tạ Ơn bắt nguồn từ những di dân Âu Châu lập nghiệp trên Tân Thế Giới (Châu Mỹ). Đời sống của họ trên đất mới rất khổ nhọc vì thời tiết, bệnh tật; đồng ruộng, nông trại, nhà cửa phải xây dựng lại từ đầu. Tuy vậy, vào cuối mùa gặt hái, di dân có một buổi lễ để cảm tạ Đức Chúa Trời vì những gì họ gặt hái được trong vụ mùa vừa qua. Họ làm điều này hàng năm nhưng vẫn chưa chính thức dành riêng ra một ngày để tạ ơn Đức Chúa Trời cho đến năm 1863. Vào năm đó, trong khi nước Mỹ đang có nội chiến Nam Bắc, Tổng Thống Abraham Lincoln công bố ngày thứ năm thuộc tuần lễ chót, của tháng 11 là ngày Lễ Tạ Ơn của quốc gia, nghĩa là toàn quốc phải nghỉ làm việc để kỷ niệm nó. Từ đó đến nay, hàng năm cứ đến ngày đã định, toàn nước Hoa Kỳ nghỉ việc để tạ ơn Đức Chúa Trời vì những của cải vật chất Ngài đã ban cho trong năm qua. Mặc dù ngày Lễ Tạ Ơn bắt nguồn trong đức tin vào Đức Chúa Trời, càng ngày nó càng mất đi ý nghĩa. Dần dần, nó biến thành một ngày "thương mại" như ngày lễ Giáng Sinh, khi mọi người lợi dụng dịp hạ giá để mua sắm thoải thích. Con người càng thích mua sắm chừng nào càng dễ quên sự ban ơn của Đức Chúa Trời chừng đó. Sự biến chất của ngày Lễ Tạ Ơn có thể do lòng con người đối với Đức Chúa Trời càng ngày càng nguội lạnh; cũng có thể vì đất nước Mỹ là đất nước của di dân, mà có rất nhiều di dân đến từ các nền văn hoá không biết đến Đức Chúa Trời, nên chẳng biết phải tạ ơn ai.

Nhưng tại sao di dân Âu Châu thờ ban đầu lại tạ ơn Đức Chúa Trời? Chẳng phải họ đã đổ mồ hôi, nước mắt và cả máu xương xuống trên Thế Giới Mới để biến nó thành một đất nước giàu có nhất thế giới ngày nay hay sao? Bắc Mỹ (bao gồm Hoa Kỳ và Canada) là một lục địa phì nhiêu mà con người phải vật vả đường ấy, thì đừng nói tới nhiều nơi khác trên thế giới, nơi mà thực phẩm và nhiều khi cả nước uống là xa xỉ phẩm. Theo một tài liệu [1], trên thế giới có đến gần một tỉ người không đủ chất dinh dưỡng. Các nước nghèo đói nhất tọa lạc tại Phi Châu và Á Châu. Nghèo đói, nhân mãn, kém học, bệnh tật, chiến tranh là đặc điểm của các nước lạc hậu. Tại những nơi này, hình như con người không có khái niệm về sự "tạ ơn Đức Chúa Trời." Như vậy, có phải sự tạ ơn Đức Chúa Trời của di dân Âu Châu đến từ sự "phú quý sinh lễ nghĩa" chứ thực sự Đấng Thượng Đế không tồn tại? Nếu có một Đấng Thượng Đế, tại sao Ngài lại để cho nhân loại đáng thương phải vật vả để làm ra miếng ăn? Nếu Ngài hiện hữu, tại sao lại có nghèo đói, nhân mãn, kém học, bệnh tật, chiến tranh, thiên tai? Nếu Ngài hiện hữu tại sao Ngài lại im lặng trước đau khổ của loài người?

2- Các loại đau khổ:

Có hai loại đau khổ: 1- Do con người, và 2- Do thiên nhiên gây ra. Một người sống trong thế gian phải chịu nhiều đau khổ trong các mối quan hệ như: vợ-chồng, cha mẹ-con cái, hàng xóm, bà con, bạn bè, kể cả từ những người không quen biết, cho tới những mối quan hệ trong xã hội hay giữa các quốc gia với nhau. Hơn ai hết, người Việt Nam chúng ta chịu đau khổ loại 1 nhiều nhất. Trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc, không biết bao nhiêu nước mắt Việt Nam đã đổ xuống vì mất mát trong những cuộc chiến tranh không do người Việt chủ động. Có nhiều khi người ta thấy ra được nguyên nhân của sự đau khổ đó và được an ủi phần nào. Tỉ dụ như một người mẹ đau khổ khi con tử trận vì tham gia kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Mặc dù đau buồn vì con tử trận, nhưng bà mẹ đó có lòng tự hào vì gia đình mình đã đóng góp máu xương vào trong công cuộc bảo vệ đất nước. Nhưng cũng có nhiều

khi người ta không tìm ra được một lý do gì để tự an ủi trước đau khổ mà mình phải chịu. Tỉ dụ như một người "vô tội" đi dạo trên vỉa hè bị một người lái xe say rượu chồm lên lề cán chết. Một em bé đang tập nói bị mẹ mình bắt cóc. Một người đang làm ruộng bị lạc đạn hay đập phải mìn chết. Tuy vậy, một người có thể chấp nhận sự hiện hữu của Đức Chúa Trời và sự hiện hữu của đau khổ loại 1 cùng một lúc. Tình huống này có thể được giải thích rằng Đấng Thượng Đế vô tình với nhân loại; Ngài để mặc người ác chém giết người lành; Ngài là Đấng Toàn Năng, nhưng Ngài thiếu đi tình Yêu Thương cho nhân loại khốn cùng... Nhưng đau khổ loại 2 mới thật sự là khó giải thích vì con người không có quyền chủ động gì trên những thiên tai; và vì vậy, trách nhiệm hoàn toàn thuộc về Đức Chúa Trời, nếu Ngài thật sự hiện hữu. Nếu loài người là bé nhỏ, và Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng, tại sao Ngài lại để cho con mất cha, vợ mất chồng trong trận sóng thần tại Indonesia vào năm 2004? Giữa Đức Chúa Trời và loài người, ai có khả năng ngăn chặn cơn sóng thần này? Tại sao Ngài lại tàn ác để cho hàng trăm ngàn người vô tội (kể cả trẻ em) phải chết oan? Như vậy, một là Đấng Thượng Đế không Hiện Hữu; hai là nếu Ngài có thật sự Hiện Hữu, thì Ngài không Toàn Năng nên không giúp được gì cho nhân loại; hoặc ba, Ngài Hiện Hữu và Toàn Năng nhưng không Yêu Thương nên để mặc loài người trong biển khổ. Chỉ cần một trong ba tình huống này hiện diện, Đức Chúa Trời hoặc không hiện hữu, hoặc không đáng để loài người phải tạ ơn như những di dân Âu Châu trên đây. Hình như sự hiện hữu của Đức Chúa Trời cùng với hai thuộc tính của Ngài: Toàn Năng và Yêu Thương cùng một lúc không thể giải thích được thực tế đau khổ của loài người. Đây là một nghịch lý chỉ có thể giải thích được khi hiểu loài người là gì và Đức Chúa Trời là ai.

3- Loài người và Đức Chúa Trời:

Có người hoài nghi thắc mắc rằng nếu Đức Chúa Trời toàn năng thì hãy tạo ra một cục đá nặng đến nỗi chính Ngài nhắc lên không nổi. Người đó có một ngầm ý: Nếu Đức Chúa Trời không tạo được cục đá đó, thì Ngài bất lực. Nếu Ngài tạo ra được cục đá đó, thì Ngài cũng bất lực luôn vì chính Ngài nhắc nó lên không nổi. Giải đáp cho nghịch lý "cục đá của Đức Chúa Trời" này nằm chính trong người nêu lên. Trước hết, loài người là sinh vật mềm yếu về thể chất nhưng có ý lực tự do^a rất mạnh. Vì Đức Chúa Trời là Đấng có những thuộc tính (như Toàn Năng, Toàn Tri, Toàn Tại, Thánh Khiết, Yêu Thương, và Công Chính) lên đến cực điểm nên Ngài đòi hỏi một sự tuyệt đối trong sự lựa chọn của loài người đối với Ngài. Để cho điều này có thể xảy ra, Ngài tạo dựng lên loài người với một ý lực tự do để có thể lựa chọn hoặc chối bỏ Ngài.

Sau sự sa ngã trong vườn Ê-đen (Sáng Thế Ký, Genesis 3) loài người không sống trong sự trực tiếp bảo bọc của Đức Chúa Trời nữa. Loài người tội lỗi một mặt nhận biết mình là loài yếu đuối, mặt khác muốn mình tự làm chủ lấy mình và vũ trụ, độc lập với sự tế trị của Đức Chúa Trời. Để thỏa mãn hai điều trên, nhân loại mới sáng tạo ra nhiều triết lý và tôn giáo, được phân loại trong hai thuyết chính. Một, thuyết tiến hoá thể chất (tức là thuyết tiến hóa Darwin): các loài, trong đó có loài người, bắt đầu từ sinh vật thấp hơn, đơn giản hơn, thô kệch hơn, càng ngày càng trở nên cao hơn, phức tạp hơn, đẹp đẽ hơn nhờ vào quá trình chọn lọc tự nhiên trên những thay đổi sinh học nhỏ. Theo thời gian, các thay đổi nhỏ này tích lũy thành những thay đổi lớn để tạo ra loài mới, phức tạp hơn, thông minh hơn loài cũ. Hai, thuyết tiến hoá "tâm linh": nhờ tu hành, con người càng ngày càng đạo đức hơn, quyền phép hơn, và từ từ sẽ thần thông quảng đại. Theo hai thuyết "tiến hoá" này loài người không cần đến Đức Chúa Trời: con người tự nhiên mà có, rồi một ngày thay đổi một chút, loài người sẽ trở nên một đấng nào đó quyền phép như Đức Chúa Trời. Nói một cách khác, loài người, do có ý lực tự do mạnh, thay vì chọn Đức Chúa Trời để thờ phượng, đã nghĩ ra một cách để lật đổ Ngài. Đức Chúa Trời đã không tạo ra một cục đá mà chính Ngài không nhắc nổi, nhưng Ngài đã tạo ra một "cục đá" yếu đuối về thể chất là loài người, nhưng mạnh về ý chí, mạnh đến nỗi có thể nổi loạn chống lại Ngài. "Cục đá của Đức Chúa Trời" chính là người nêu lên nghịch lý đề cập trên.

Đức Chúa Trời "nhắc cục đá của Ngài" như thế nào?

Thánh kinh cho biết rằng khi loài người nổi loạn với Đức Chúa Trời, tức là phạm tội cùng Ngài, có ba quan hệ bị đổ vỡ: 1- Quan hệ giữa người với Đức Chúa Trời, 2- Quan hệ giữa người với người (kể cả quan hệ đối với chính bản thân), và 3- Quan hệ giữa người với thiên nhiên; trong đó, quan hệ giữa người và Đức Chúa Trời là chính (Sáng Thế Ký, Genesis 3:16-19). Vì quan hệ chính đã bị vỡ, hai quan hệ thứ yếu kia (2 và 3) bị đổ vỡ theo. Quan hệ giữa loài người với nhau bị đổ vỡ bắt đầu trong gia đình. Đối với bà Ê-va, là người nghe theo lời dụ dỗ của con rắn mà ăn trái của cây "*kiến thức về thiện và ác*" (Sáng Thế Ký, Genesis 2:17), Đức Chúa Trời phán là sẽ gia tăng sự đau đớn trong sản phụ. Ngoài ra, quan hệ giữa bà và chồng là A-đam (hay giữa chồng và vợ nói chung) không còn thuần là "*xương của xương tôi, thịt của thịt tôi*" (Sáng Thế Ký, Genesis 2:23) nữa mà còn có thêm quan hệ "chiến tranh" nữa: Người vợ luôn luôn có khuynh hướng lấn lướt chồng và do đó người chồng có khuynh hướng cai trị người vợ (Sáng Thế Ký, Genesis 3:16). "Chiến tranh" giữa chồng và vợ sau sự Sa Ngã giống như sự chiến đấu của một cá nhân với tội lỗi vậy. Thánh Kinh có nói tới điều này như sau:

Sáng Thế Ký, Genesis 3:16	Sáng Thế Ký, Genesis 4:7
Your desire will be for your husband, and he will rule over you.	It desires to have you, but you must master it.
Người thèm muốn chồng lắm và chồng sẽ cai trị người.	Tội lỗi thèm người lắm, nhưng người phải cai trị nó.

(Trong nguyên ngữ, cả hai câu Thánh Kinh trên dùng một chữ תשוקה (teshuquâh) /tesh-oo-kaw/ (desire) cho "thèm muốn" và ממשל (mâshal) /maw-shal/ (rule over) cho "cai trị." Tại đây chúng ta thấy kỹ văn song song^b của tác giả viết hai câu Thánh Kinh trên.)

Đau khổ của loài người bắt đầu từ quan hệ giữa chồng và vợ trong gia đình, lan ra ngoài xã hội, và truyền qua các thế hệ sau. Bởi vậy mới có cảnh "chồng chúa vợ tôi" và "trao năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên một chồng," vì người chồng phải "cai trị" người vợ. Khi cảnh chồng chúa vợ tôi đạt đến cao điểm vô nhân bản, phong trào phụ nữ bình quyền mới nổi lên. Ngày nay dù phụ nữ có quyền hạn trong gia đình và ngoài xã hội nhiều hơn, gia đình, là đơn vị cơ bản của xã hội, càng ngày càng bị lay động tận nền móng: con cái bị chia lìa cha mẹ vì nạn li dị, con ngoại hôn, bạo động nội thất^c, v.v.. Vấn nạn này sinh ra vấn nạn khác: con không đủ cha mẹ, trẻ em bỏ học, băng đảng, trộm cướp, giết người, hút sách, v.v., gây đau khổ cho không biết bao nhiêu người khác, nhiều khi là những người không liên đới. Do vậy, một gia đình Cơ-đốc đã được phục hồi khi chồng yêu vợ như Đức Chúa Jesus Christ yêu Hội Thánh, và vợ kính trọng chồng như đầu của mình, cũng như Đấng Christ là đầu Hội Thánh (Ê-phê-sô, Ephesians 5:21-25). Đấng Christ bắt đầu vương quốc của Ngài bằng cách tái phục hồi các quan hệ và trật tự đã bị vỡ hoặc bị đảo ngược: trước hết, giữa Thiên Chúa và người, kể đến giữa người với nhau.

Vì A-đam nghe theo vợ mình mà ăn trái của cây bị cấm, đất vì sự rửa sả của Đức Chúa Trời "*mọc gai*" ra (Sáng Thế Ký, Genesis 3:17-19). Điều này giải thích tại sao loài người phải lao nhọc mới có ăn (vì vậy mà di dân từ Âu Châu cảm tạ Đức Chúa Trời cho thu hoạch của họ). Ai không có gạo ăn thì cứ thèm thường suốt đời đã đành, nhưng còn ai có gạo ăn, hay hơn nữa, của cải giữ không hết cũng không thật sự hạnh phúc. Chúng ta đau khổ vì không có thực phẩm để ăn, nhưng nếu có quá nhiều của cải thì cũng đau khổ vì lo sợ bị mất. Những quốc gia lạc hậu tại châu Á và Phi có nhiều người đau khổ vì thiếu thốn, nhưng tại những quốc gia dư thừa vật chất như Hoa Kỳ, con người vẫn cứ lo âu làm lụng suốt đời để trả "bill." Đã vậy, sự lao nhọc của loài người thật là phù phiếm: cả đời đổ mồ hôi để kiếm ăn, nhưng khi chết thì bụi đất trở về bụi đất (Sáng Thế Ký, Genesis 3:19).

"Đất mọc gai" giải thích tại sao biển cả lại nổi sóng cồn nuốt chửng hàng trăm ngàn người; tại sao núi lại phun lửa chôn sống cả một thành phố; tại sao đất lại nứt ra để hút nhà cửa, công trình, sinh mạng, v.v. vào lòng... Vì Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng nên tất cả những gì xảy ra trên trái đất không nằm ngoài sự tế trị của Ngài. Do vậy, Ngài không trốn trách nhiệm trước những sự dữ, do người và do thiên nhiên gây ra. Ngài phán: "*Chính ta là Đấng gây nên sự sáng và dựng nên sự tối tăm, làm ra sự bình an và dựng nên sự tai vạ*" (Ê-sai, Isaiah 45:7). Đúng vậy, Đức Chúa Trời công bố Ngài là Đấng ban phước và giáng họa cho loài người. Trong nhiều hoàn cảnh, nguyên nhân của sự đau khổ không hiển nhiên như trường hợp của Gióp. Đứng trước cảnh bảy người con trai và ba người con gái đột ngột chết, và toàn bộ tài sản bị tiêu tan, người vợ của Gióp mới mắng và xúi ông: "*Ông hãy còn bền đỗ trong sự hoàn toàn mình sao? Hãy phi báng Đức Chúa Trời, và chết đi!*" (Gióp, Job 2:9). Còn ba người bạn của ông là Ê-li-pha, Bình-đát và Sô-pha phán án rằng Gióp chịu hoạn nạn vì ông có tội với Đức Chúa Trời. Gióp đã không phạm tội vì nghe vợ mà rửa sả Đức Chúa Trời, nhưng ông phạm tội trong hoạn nạn vì đã tự kể mình là công nghĩa thay vì giao quyền này cho Chúa (Gióp, Job 32:2, 40:8). Gióp chịu nạn không phải vì ông bị Chúa trừng phạt vì có tội với Ngài từ trước, nhưng là chịu sàng sẩy của Satan để Chúa được vinh hiển (Gióp, Job 1,2). Vì tuân phục Đức Chúa Trời, khi nghe vợ mình rửa sả mình và Ngài, ông đáp: "*...Ủa sao! Sự phước mà tay Đức Chúa Trời ban cho chúng ta, chúng ta lãnh lấy, còn sự tai họa mà tay Ngài giáng trên chúng ta, lại chẳng lãnh lấy sao?*" Trả lời vợ như vậy, Gióp xác định rằng Đức Chúa Trời là Đấng ban phước và giáng họa.

Vì là phụ, nên sự phục hồi quan hệ 2 và 3 phải theo sau sự phục hồi của quan hệ 1, tức là sự phục hồi quan hệ giữa Đức Chúa Trời và loài người. Vì Ngài là Đấng Toàn Năng, có nghĩa là Ngài làm theo chương trình Ngài lập ra mà không ai có thể áp lực để thay đổi, nên Ngài không phản ứng. "*Ai lường được Thần của Đức Chúa Trời, và làm mưu sĩ Ngài, đặng dạy Ngài điều gì?*" (Ê-sai, Isaiah 40:13) Chương trình đời đời của Ngài không bị ảnh hưởng do sự lựa chọn của một cá nhân nào cả. Toàn bộ nhân và quả, suy nghĩ, hành động, v.v. của tất cả cá nhân trên thế gian từ cổ đại đến tương lai đều nằm trong tay Đức Chúa Trời. Sự lựa chọn giữa thiện và ác của một cá nhân quyết định sự sống còn của người ấy, chứ chương trình của Đức Chúa Trời vẫn đời đời không thay đổi. Ngài không phản ứng vì Ngài Toàn Năng; Ngài không nhanh nhẩu trong việc xử phạt vì tình Yêu Thương Ngài muốn cho loài người thêm cơ hội. Do vậy, nhiều khi chúng ta thấy bất công và đau khổ lan tràn mà hình như ông Trời vẫn im lặng [2]. Cũng chính vì Ngài là Đấng Yêu Thương nên Ngài có chương trình cứu rỗi qua sự khổ nạn của Đức Chúa Jesus trên thập giá [3], để hễ ai tiếp nhận Ngài là Cứu Chúa Duy Nhất, thì sẽ được cứu rỗi khỏi sự chết đời đời. Chính Đức Chúa Jesus cũng phải chịu chung sự đau khổ mà loài người phải chịu do hậu quả của tội lỗi, mà còn hơn thế nữa. Ngài giáng thế với một mục đích duy nhất là chấp nhận sự đau khổ (tức là vác thập giá để chết thế cho nhân loại) làm giải pháp của đời mình, mà đi xuyên qua nó một cách vâng phục Đức Chúa Cha. Chính vì sự bất tuân của tổ phụ loài người là A-đam mà cả nhân loại phải đau khổ và chết, thì chính sự tuân phục của một người - Đức Chúa Jesus - cho đến chết, để nhiều người được cứu (Rô-ma, Romans 5:17) Khi đọc tới đây sẽ có người nói thầm rằng chết là thoát kiếp, đâu còn biết đau khổ là gì. Họ nghĩ vậy vì họ không biết đến sự đau khổ khi chết mà không biết đến Chúa. Đau khổ cai trị cả người tin Chúa lẫn người chưa tin Chúa, không chừa một ai. Nhưng đối với người tin Chúa, chúng ta chấp nhận đau khổ là một hiện thực và bằng lòng đi xuyên qua nó với niềm xác tín rằng khi chúng ta bước chân vào cõi vĩnh cửu thì đau khổ và sự chết không còn nữa. Trong khi đó người không tin Chúa phải "trùm chần" tự nhủ rằng đau khổ chỉ là ảo giác. Đó chính là nền tảng của thuyết Vô Ngã [4] của Phật Giáo, là thuyết tiến hoá tâm linh mà chúng ta có nói qua phía trên. Sự chết không biết đến Chúa chính là niềm đau khổ lớn hơn cả sự đau khổ mà cả người tin lẫn người chưa tin phải chịu chung trong thế gian. Đau khổ trong đức tin Cơ-đốc nhân không phải là mục tiêu tối hậu phải giải quyết, mà chính là mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và người.

4- Công dụng của đau khổ:

Thánh Kinh dạy rằng hễ phạm tội thì phải chết (Rô-ma, Romans 6:23). Nhưng ý muốn của Đức Chúa Trời là loài người phải được sống hạnh phúc vĩnh hằng. Ngài không muốn ai phải chết cả. Do vậy, vì mục đích đời đời, Ngài vẫn để đau khổ trên đất để thức tỉnh loài người. Chính Ngài cũng đã đau khổ khi loài người phạm tội (Sáng Thế Ký, Genesis 6:6). Khi dân Y-sơ-ra-ên phạm tội, Đức Chúa Trời phải đau khổ thốt lên qua tiên tri Ê-xê-chi-ên: "*Thật vậy, ta không vui đâu về sự chết của kẻ phải chết, vậy các ngươi hãy xây lại, mà được sống!*" (Ê-xê-chi-ên, Ezekiel 18:32). Câu phán này ngầm ý là nếu chúng ta không ăn năn, Đức Chúa Trời vẫn gia án chết vì Ngài là Công Chính. Thuộc tính Công Chính của Đức Chúa Trời là điều mà người không/chưa tin Chúa không thể nào chấp nhận được. Sự tồn tại của cả hai thuộc tính cực điểm Yêu Thương và Công Chính của Đức Chúa Trời giải thích tại sao Đức Chúa Jesus phải giáng thế để chịu chết cho cả thế gian. Cặp thuộc tính này cũng giải thích tại sao yêu thương loài người mà Đức Chúa Trời vẫn để đau khổ lại trong thế gian thêm một thời gian nữa.

Mặc dù Đức Chúa Trời tôn trọng ý lực tự do của loài người, ý chí của Ngài vẫn sẽ thắng ý chí của loài người. Bởi vậy khi Đức Chúa Jesus sắp bị khổ hình, Ngài mới cầu nguyện với Đức Chúa Cha rằng: "*Xin Cha cất chén này khỏi con; nhưng không theo điều con muốn, mà theo điều Cha muốn*" (Mác, Mark 14:36). Sự đau khổ mà Đức Chúa Jesus phải chịu không gây ra do sự va chạm giữa ý chí của Ngài và ý chí của Đức Chúa Cha (vì Ngài giáng thế chỉ để chịu chết thế cho nhân loại) nhưng là do tội lỗi gây ra bởi ý chí chống nghịch Thiên Chúa của loài người. Chống nghịch Ngài là nguyên nhân của sự đau khổ; nhưng cảm tạ Đức Chúa Trời vì tình yêu thương của Ngài thắng cả đau khổ và sự chết. Đối với nhân loại nói chung, đau khổ chết chóc làm nổi bật lên những tấm gương thật sáng: Trong sự đói kém, nổi bật lên những gương hy sinh của những bà mẹ nhịn ăn cho con. Trên chiến trường máu lửa, nổi bật lên những anh hùng hy sinh tánh mạng mình để cứu đồng đội. Sự hàn vi làm nổi bật lên tình yêu của một cặp trai gái, chung vai sát cánh xây dựng gia đình. Sự thất nghiệp đột ngột thử lòng của vợ/chồng trước cám dỗ của vật chất, v.v.. Đau khổ là điều không ai muốn nhưng trong đau khổ con người mới thấy rõ bản thân mình yếu đuối; nhờ đó, mới cần đến sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời.

Thánh Kinh dạy rằng "*tình yêu mạnh như sự chết*" (và hình thức nhẹ của nó là đau khổ) (Nhã Ca, Song of Solomon 8:6). Vì vậy, đau khổ (và sự chết) là thử nghiệm hữu hiệu nhất cho tình yêu giữa người và Thiên Chúa. Đối với tín đồ tuân phục Chúa, đau khổ là cơ hội để họ theo gương Đức Chúa Jesus và các sứ đồ của Ngài cảm tạ Đức Chúa Cha (1 Tê-sa-lô-ni-ca, Thessalonians 5:18) vì chúng ta biết được - qua đức tin - mọi việc xảy ra đều có ích cho những người yêu mến Ngài (Rô-ma, Romans 8:28). Vì vậy, trong sự rên xiết quặn quại của cả vũ trụ này vẫn luôn luôn nổi bật lên những mảnh tình yêu sáng loáng đối với Thiên Chúa của những con người tuân phục Ngài cho đến chết. Nhưng đối với người chưa/không tuân phục Chúa, đau khổ là khắc tinh cho ý chí chống nghịch của họ. Do vậy, đau khổ là cây thước phân nhân loại ra làm hai: một bên tuân phục Đức Chúa Trời và có sự sống đời đời; còn bên kia rửa sả Đức Chúa Trời để hư mất đời đời.

5- Kết luận:

Đức Chúa Trời tạo ra loài người mềm yếu về thể chất, nhưng có ý chí rất mạnh để lựa chọn, mạnh đến nỗi làm loạn chống nghịch với Ngài. Sự bất tuân của loài người là tội lỗi; hậu quả của tội lỗi là sự chết, và hình thức nhẹ là đau khổ. Đau khổ là khắc tinh cho ý chí của loài người mà Đức Chúa Trời dùng để thử nghiệm tình yêu của loài người với Ngài. Sự đau khổ chia nhân loại ra làm hai: Người tuân phục Chúa cảm tạ Ngài trong hạnh thông và cả trong hoạn nạn, và được sự sống đời đời; người chống nghịch Chúa rửa sả Ngài và hư mất đời đời. Cùng một hoàn cảnh nhưng hậu quả đời đời khác nhau do thái độ và lựa chọn khác nhau.

(Ngày 4, tháng 1, năm 2007)

Tài liệu tham khảo:

- 1- Scott Elder, "The Hungry Planet," National Geographic, June 2006
- 2- Lê Anh Huy, "Đức Chúa Trời và Sự Bất Công," http://hoptinhhoply.org/read.asp?Article_ID=112
- 3- Lê Anh Huy, "Đau khổ Việt Nam," http://hoptinhhoply.org/read.asp?Article_ID=119
- 4- Lê Anh Huy, Huỳnh Christian Timothy, "Vô Ngã," http://hoptinhhoply.org/read.asp?Article_ID=207

Ngữ vựng:

- a- Ý lực tự do: Free will
- b- Kỹ văn song song: Paralellism
- c- Bạo động nội thất: Domestic violence